

## Xu hướng tích tụ dân số: tính chọn lọc và những ảnh hưởng đến phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ\*

PHẠM NGỌC LINH

LƯU BÍCH NGỌC

**B**ài viết nghiên cứu tính chọn lọc trong dòng người nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ, cùng với những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của họ đến phát triển kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái; từ đó đề xuất, khuyến nghị chính sách kiểm soát dòng di cư, góp phần giải quyết bài toán phát triển bền vững của vùng trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh vẫn đang còn tiếp diễn trong thời gian tới.

**Từ khóa:** tích tụ dân số, di dân, nhập cư, xuất cư, công nghiệp hóa, đô thị hóa.

**T**ích tụ dân số là quá trình tập trung đông dân cư vào một vùng hoặc một địa phương nhất định. Thực chất tích tụ dân số là kết quả của tăng dân số cơ học liên tục trong nhiều năm và chịu sự chi phối bởi 2 quá trình “nhập cư” và “xuất cư” diễn ra đồng thời. Vào cùng một thời điểm tại vùng hay địa phương vừa có một số lượng dân số nhập cư, nhưng đồng thời cũng có một số lượng dân số xuất cư do nhiều lý do khác nhau về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Do đó, tích tụ dân số chỉ được xác định rõ sau một thời gian đủ dài, ít nhất là 5 năm, khi mà hiệu số giữa số người nhập cư và số người xuất cư là dương. Đông Nam Bộ là một vùng có tốc độ tích tụ dân số cao, trong suốt thời gian dài từ những năm 1990 trở lại đây, vùng luôn có nhịp độ tăng dân số nhanh, với số lượng người nhập cư lớn, hiện nay mỗi năm lượng dân số tích tụ vào Đông Nam Bộ lên đến hơn 330 nghìn người.

Vùng Đông Nam Bộ có 6 tỉnh và một thành phố: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích tự nhiên của vùng là 23.590,8 km<sup>2</sup>, chiếm 7,3 % diện tích cả nước. Theo Niên giám thống kê năm 2013 của Tổng cục Thống kê, dân số vùng Đông Nam Bộ là

15.459,6 nghìn người, chiếm 16,2% dân số Việt Nam, là vùng có tốc độ tích tụ dân số cao nhất trong cả nước, do thu hút nhiều dân nhập cư từ các vùng khác đến sinh sống.

Sự phát triển mạnh mẽ của các đô thị từ quá trình công nghiệp hóa nhanh của vùng Đông Nam Bộ đã dẫn đến sự tập trung với quy mô và tốc độ ngày càng cao của cư dân đô thị công nghiệp, đặc biệt là dòng di cư của lao động nông thôn từ khắp mọi miền đất nước về đây tìm việc làm. Chính dòng di cư lao động này đã tạo ra sự thịnh vượng cho sự phát triển của vùng, nhưng cũng nảy sinh vô số hệ lụy mà vùng phải gánh chịu - đó là ách tắc giao thông, thiếu nhà ở, vệ sinh môi trường kém, thiếu trường học, thiếu dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe... ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của vùng.

### 1. Tích tụ dân số và tính chọn lọc trong nhập cư vào các tỉnh vùng Đông Nam Bộ

Phạm Ngọc Linh, PGS.TS., Ban Tuyên giáo Trung ương, Lưu Bích Ngọc, PGS.TS., Trường đại học Kinh tế quốc dân.

(\*) Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số II.6-2012.01

## Xu hướng tích tụ dân số ...

### 1.1. Đông Nam Bộ là vùng có mức độ tích tụ dân số lớn nhất ở Việt Nam

**BẢNG 1: Số người và tỷ suất nhập cư theo 6 vùng kinh tế - xã hội trong 5 năm trước thời điểm Tổng điều tra**

| Vùng                                    | 1994-1999        |             |            | 2004-2009        |             |            |
|---|------------------|-------------|------------|------------------|-------------|------------|
|   | Số người         | Tỷ suất %   | Tỷ trọng % | Số người         | Tỷ suất %   | Tỷ trọng % |
| 1. Trung du và miền núi phía Bắc        | 83.386           | 9,3         | 6,2        | 90.850           | 9,1         | 3,8        |
| 2. Đồng bằng sông Hồng                  | 162.674          | 9,9         | 12,0       | 289.217          | 16,1        | 12,2       |
| 3. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | 113.829          | 7,0         | 8,4        | 110.295          | 6,4         | 4,7        |
| 4. Tây Nguyên                           | 325.891          | 93,2        | 24,1       | 166.078          | 36,3        | 7,0        |
| 5. Đông Nam Bộ                          | 597.949          | 64,3        | 44,2       | 1.635.293        | 126,7       | 61,3       |
| 6. Đồng bằng sông Cửu Long              | 69.412           | 4,7         | 5,1        | 69.575           | 4,4         | 2,9        |
| <b>Tổng số</b>                          | <b>1.353.141</b> | <b>31,4</b> | <b>100</b> | <b>2.361.308</b> | <b>33,2</b> | <b>100</b> |

*Nguồn:* Kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở các năm 1999 và 2009.

Số liệu bảng 1 cho thấy, Đông Nam Bộ đã trở thành vùng nhập cư số một của Việt Nam theo cả ba tiêu chí: số người, tốc độ tăng và tỷ suất nhập cư. Trong 5 năm (2004-2009), đã có tới 1.635.293 nghìn người di cư đến Đông Nam Bộ, tăng gấp 3,0 lần số nhập cư giai đoạn (1994-1999). Tỷ suất nhập cư của Đông Nam Bộ là 126,7%, cao gấp gần 4 lần Tây Nguyên, gấp 8 lần Đồng bằng sông Hồng và 32 lần Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là khu vực kinh tế phát triển nhất Việt Nam, đóng góp hơn 2/3

thu ngân sách hàng năm. Trong khi tỷ lệ đô thị hóa trung bình của cả nước năm 2014 đạt 33,9%, thì tỷ lệ đô thị hóa ở Đông Nam Bộ đã đạt 64,95% (Tổng cục Thống kê, 2015). Tại vùng này, tứ giác kinh tế trọng điểm bao gồm thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu đã được hình thành, chiếm một diện tích khá nhỏ so với cả nước, nhưng tốc độ phát triển của vùng ảnh hưởng mang tính quyết định đối với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

**BẢNG 2: Số người nhập cư vào các tỉnh vùng Đông Nam Bộ trong 5 năm trước thời điểm Tổng điều tra, phân theo giới tính**

*Đơn vị: người*

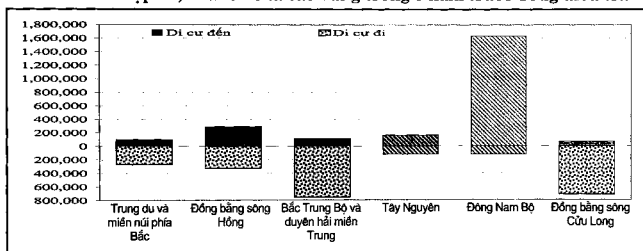
| Tỉnh            | 1994-1999      |                |                |                  | 2004-2009        |                |                |                  |
|-----------------|----------------|----------------|----------------|------------------|------------------|----------------|----------------|------------------|
|                 | Chung          | Nam            | Nữ             | Tỷ số nam/nữ (%) | Chung            | Nam            | Nữ             | Tỷ số nam/nữ (%) |
| Bình Phước      | 72.499         | 40.344         | 32.155         | 125,5            | 36.045           | 17.353         | 18.692         | 92,8             |
| Tây Ninh        | 15.837         | 9.355          | 6.482          | 144,3            | 17.170           | 7.711          | 9.459          | 81,5             |
| Bình Dương      | 64.852         | 30.068         | 34.784         | 86,4             | 499.781          | 231.213        | 268.568        | 86,1             |
| Đồng Nai        | 112.553        | 57.576         | 54.977         | 104,7            | 235.048          | 111.441        | 123.607        | 90,2             |
| Bà Rịa-Vũng Tàu | 53.020         | 27.483         | 25.537         | 107,6            | 56.773           | 28.825         | 27.948         | 103,1            |
| TP. Hồ Chí Minh | 433.765        | 204.958        | 228.807        | 89,6             | 1.032.791        | 483.688        | 549.103        | 88,1             |
| <b>Tổng số</b>  | <b>752.536</b> | <b>369.784</b> | <b>382.742</b> | <b>96,6</b>      | <b>1.877.608</b> | <b>880.231</b> | <b>997.377</b> | <b>88,3</b>      |

*Nguồn:* Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm các năm 1999 và 2009.

Bảng 2 cho thấy, nếu như thời kỳ 1994 - 1999 số dân nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ là 752.536 người, thì thời kỳ 2004 - 2009 lên tới 1.877.608 người, gấp hơn 2,5 lần. Điều đó chứng tỏ sức hút mạnh mẽ của vùng đối với lao động nhập cư. Tuy nhiên, phân tích kỹ sẽ thấy dòng nhập cư đã thay đổi trong việc lựa chọn nơi đến giữa các tỉnh trong vùng. Thời kỳ 1994 - 1999, số lượng nhập cư nhiều vào thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Phước, nhưng sang thời kỳ 2004 - 2009, Bình Dương đã thu hút rất mạnh lao động nhập cư, trở thành tỉnh thứ hai trong vùng sau thành phố Hồ Chí Minh, thu hút dân nhập cư với số lượng lớn, tới gần 500 nghìn người, gấp 8 lần so với thời kỳ trước. Bình Dương là nơi trong

những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ở mức cao, GDP tăng bình quân khoảng 14,5%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, công nghiệp, dịch vụ tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng cao, năm 2010, tỷ lệ công nghiệp - xây dựng chiếm 63%, dịch vụ chiếm 32,6% và nông, lâm nghiệp chỉ còn 4,4%. Hiện nay, Bình Dương có 28 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung có tổng diện tích hơn 8.700 ha với hơn 1.200 doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động, tổng vốn đăng ký hơn 13 tỷ USD<sup>1</sup>. Đây cũng là nơi có tỷ suất nhập cư lên tới 365,9‰. Điều này cho thấy rằng trong giai đoạn 2004 - 2009 cứ 1.000 người dân tại tỉnh Bình Dương thì có đến 366 người nhập cư.

**HÌNH 1: Dân số nhập cư, xuất cư của các vùng trong 5 năm trước Tổng điều tra 2009**



Ngược với hiện tượng nhập cư lớn nhất, vùng Đông Nam Bộ lại là vùng có xuất cư nhỏ nhất so với các vùng trong cả nước và xu hướng ngày càng giảm. Tỷ suất xuất cư giảm từ 13,6‰ (tương đương 126.388 người) thời kỳ 1994 - 1999 xuống còn 9,7‰ (tương đương 125.391 người) thời kỳ 2004 - 2009. Điều đó càng làm cho tốc độ tích tụ dân số vào vùng tăng lên một cách nhanh chóng so với các vùng khác (hình 1).

**1.2. Xu hướng nữ hóa gia tăng mạnh trong dòng di cư đến vùng Đông Nam Bộ**

Nhìn chung dân số nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ có số lượng nữ nhiều hơn nam

và xu hướng nữ hóa ngày càng gia tăng (bảng 2), nếu thời kỳ 1994 - 1999 tỷ số giới tính là 96,6 nam/100 nữ thì đến thời kỳ 2004 - 2009 chỉ còn là 88,3 nam/100 nữ. Đối với các tỉnh như Bình Phước, Tây Ninh, trong thời kỳ 1994-1999, nhu cầu lao động nam cho việc khai hoang mở rộng diện tích cho các ngành trồng cây công nghiệp (cao su, điều, hồ tiêu...), trồng rừng phủ xanh đất trống rất lớn, tỷ số giới tính của người nhập cư vào những tỉnh này rất cao (Bình Phước là 125,5 nam/100 nữ, Tây Ninh là 144,3 nam/100 nữ).

1. [http://www.binhduong.gov.vn/vn/status\\_pages.php?id=42&idcat=15&idcat2=0](http://www.binhduong.gov.vn/vn/status_pages.php?id=42&idcat=15&idcat2=0)

Thời kỳ 1994 - 1999, ở thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, cũng là thời kỳ tập trung xây dựng các khu công nghiệp mới, vì thế nhu cầu lao động nam nhiều. Tuy nhiên, sang thời kỳ 2004-2009, khi các khu công nghiệp, các khu chế xuất đã được xây dựng xong đi vào hoạt động, chủ yếu tập trung là các ngành công nghiệp dệt may, da giày, điện tử dân dụng - là những ngành có nhu cầu nhiều lao động nữ. Giai đoạn 2004-2009, nhu cầu lao động nam không còn mạnh, tỷ số giới tính giảm đi rõ rệt (Bình Phước còn 92,8%; Tây Ninh còn 81,5%). Sự thay đổi cấu trúc kinh tế nhanh chóng trong vùng đã có ảnh hưởng trực tiếp đến tính chọn lọc về giới tính trong di cư và dường như yếu tố kinh tế luôn là yếu tố quyết định di cư cả về số lượng và chất lượng.

**1.3. Dân nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ chủ yếu trẻ tuổi, nguồn lực lao**

**động dồi dào**

Số dân nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ trong tuổi lao động chiếm 84,6% thời kỳ 1994-1999 và tăng lên 93,8% thời kỳ 2004-2009. Có 4,8% dân nhập cư dưới 15 tuổi và chỉ có 1,4 % là từ 60 tuổi trở lên trong thời kỳ 2004-2009. Nếu chỉ tính riêng nhóm tuổi từ 25-49, tỷ lệ dân nhập cư tương ứng 2 thời kỳ là 36,0% và 40,3%, cao hơn nhiều so với số liệu chung của cả nước. Dân nhập cư vào Đông Nam Bộ là nhập cư lao động, đã trở thành bộ phận dân cư rất quan trọng tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Đối với nhóm không di cư kết cấu dân số thường ổn định. Ngược lại tính chọn lọc đối với người di cư sẽ làm cho cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính thay đổi rất lớn, tỷ trọng của nhóm tuổi lao động trẻ rất cao.

**BẢNG 3: Phân bố tỷ lệ người di cư nội vùng và ngoại vùng ở Đông Nam Bộ giai đoạn 2004-2009, theo tuổi và giới tính (%)**

| Tuổi    | Di cư nội vùng |      |      | Di cư ngoại vùng |      |      |
|---------|----------------|------|------|------------------|------|------|
|         | Chung          | Nam  | Nữ   | Chung            | Nam  | Nữ   |
| ≤ 15    | 11,1           | 11,7 | 10,4 | 5,3              | 4,8  | 5,8  |
| 15-35   | 45,8           | 56,8 | 34,8 | 72,2             | 80,4 | 63,9 |
| 36-59   | 28,0           | 27,1 | 28,8 | 16,0             | 13,4 | 18,5 |
| ≥ 60    | 15,2           | 4,4  | 26,0 | 6,6              | 1,4  | 11,7 |
| Tổng số | 100            | 100  | 100  | 100              | 100  | 100  |

*Nguồn: Số liệu mẫu 15% của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.*

Nhập cư vào Đông Nam Bộ là di cư lao động do đó có sự khác biệt về kết cấu tuổi và giới tính rất sâu sắc. Bảng 3 cho thấy, dân số trong tuổi lao động từ 15-59 tuổi chiếm tỷ lệ áp đảo 73,8% di cư nội vùng và 88,2% di cư ngoại vùng, trong đó tuổi lao động trẻ (15-35 tuổi) chiếm 45,8% tổng di cư nội vùng và đặc biệt cao ở di cư ngoại vùng 72,2%, điều này chứng tỏ tính năng động cao của dân nhập cư vào Đông Nam Bộ.

**1.4. Tích tụ dân số vào Đông Nam Bộ có thể chia thành 2 nhóm là: tích tụ dân số công nghiệp và tích tụ dân số nông nghiệp**

Tích tụ dân số công nghiệp hay tích tụ dân số nông nghiệp phụ thuộc vào đặc điểm, cơ cấu kinh tế, nhu cầu và khả năng tạo việc làm của từng tỉnh trong vùng. Di cư bắt đầu là di chuyển lao động và nguyên nhân chính là kinh tế, vì thế ngoài tính chọn lọc về tuổi, giới tính, di cư còn mang tính chọn lọc trong nghề nghiệp. Di cư nông nghiệp đòi hỏi người di cư luôn có thiên hướng tìm kiếm việc làm trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi vật nuôi, thủy hải sản hay các nghề nghiệp có tính nông nghiệp; vì thế đích đến của di cư nông nghiệp sẽ là các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu (công

ngiệp ở Bà Rịa - Vũng Tàu chủ yếu chỉ là dầu khí) - là những tỉnh có tiềm năng phát triển và khả năng tạo việc làm rất lớn trong nông - lâm - ngư nghiệp. Trong khi đó di cư công nghiệp đòi hỏi người di cư phải có thiên hướng tìm kiếm việc làm trong các lĩnh vực công nghiệp và đích đến của họ là các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh - là những tỉnh có nhịp độ công nghiệp hóa nhanh, phát triển mạnh các ngành công nghiệp xuất khẩu hàng tiêu dùng, có giá thành sản xuất thấp như công nghiệp chế biến nông sản, chế biến gỗ, các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật thấp như dệt may, da giày, linh kiện điện tử... Việc tập trung dân số vào các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai hay thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là do di dân ngoài vùng chuyển đến mà còn cả di chuyển nội vùng từ Bình Phước, Tây

Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu sang và thậm chí đã bắt đầu xuất hiện dòng di chuyển lao động từ Đồng Nai sang Bình Dương trong vài năm trở lại đây.

Tính chọn lọc về nghề nghiệp và việc làm là nguyên nhân làm cho người di cư có việc làm chiếm tỷ lệ cao hơn người không di cư. Theo báo cáo dự báo dân số Việt Nam 1999 - 2024, tỷ lệ có việc làm của người di cư là 89% và người không di cư chỉ là 85%. Bảng 4 cho thấy, tỷ lệ thất nghiệp ở số người nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ là rất thấp, thời kỳ 2004 - 2009 bình quân toàn vùng chỉ có 2,5%. Chính cơ hội tìm kiếm việc làm cao và dễ dàng hơn cũng là nguyên nhân khiến vùng Đông Nam Bộ trở thành địa điểm thu hút người nhập cư đến nhiều nhất so với các vùng khác trong cả nước những năm qua.

**BẢNG 4: Tình trạng việc làm của lao động nhập cư vào các tỉnh Đông Nam Bộ trong 5 năm trước thời điểm Tổng điều tra 1999, 2009**

| Tỉnh                  | 1994 - 1999          |                      |                     | 2004 - 2009          |                      |                     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|---------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
|                       | Số người có việc làm | Số người thất nghiệp | Tỷ lệ thất nghiệp % | Số người có việc làm | Số người thất nghiệp | Tỷ lệ thất nghiệp % |
| Bình Phước            | 43.419               | 3.682                | 7,8                 | 25.755               | 897                  | 3,4                 |
| Tây Ninh              | 9.944                | 635                  | 6,0                 | 12.337               | 376                  | 2,9                 |
| Bình Dương            | 44.894               | 2.413                | 5,1                 | 421.285              | 9.531                | 2,2                 |
| Đồng Nai              | 62.485               | 6.646                | 9,6                 | 180.955              | 6.312                | 3,4                 |
| Bà Rịa - Vũng Tàu     | 27.881               | 3.133                | 10,1                | 38.703               | 1.494                | 3,7                 |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 236.553              | 20.498               | 8,0                 | 723.113              | 17.951               | 2,4                 |
| Toàn vùng             | 425.176              | 37.007               | 8,0                 | 1.402.188            | 36.561               | 2,5                 |

*Nguồn: Số liệu mẫu 15% của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.*

**1.5. Lao động nhập cư vào Đông Nam Bộ chủ yếu vẫn là lao động giản đơn song có xu hướng giảm, thay vào đó là sự gia tăng của lao động chuyên môn kỹ thuật và dịch vụ**

Về nghề nghiệp của người nhập cư có thể chia 3 nhóm: nhóm có chuyên môn kỹ thuật; nhóm dịch vụ - văn phòng và nhóm lao động giản đơn. Nhập cư lao động vào Đông Nam Bộ trong cả hai thời kỳ chủ yếu vẫn là lao động giản đơn. Xu hướng nhập

cư lao động giản đơn đang ngày càng giảm, thay vào đó là sự gia tăng của lao động có chuyên môn kỹ thuật và dịch vụ. Phù hợp với nhu cầu phát triển công nghiệp, nhóm các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh có lực lượng thợ vận hành máy móc chiếm tỷ lệ lớn hơn nhóm lao động giản đơn và thời kỳ 2004 - 2009 cao hơn nhiều so với thời kỳ 1994 - 1999. Ngược lại ở các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn chủ yếu nhập cư lao động

## Xu hướng tích tụ dân số ...

giản đơn và đang có xu hướng giảm dần đối tượng lao động này.

**BẢNG 5: Phân bố tỷ lệ người nhập cư theo nghề nghiệp vào tỉnh Bình Phước và tỉnh Bình Dương trong 5 năm trước thời điểm Tổng điều tra 1999, 2009**

Đơn vị : %

| Nghề nghiệp              | Tỉnh Bình Phước |           | Tỉnh Bình Dương |           |
|--------------------------|-----------------|-----------|-----------------|-----------|
|                          | 1994-1999       | 2004-2009 | 1994-1999       | 2004-2009 |
| Nhà lãnh đạo             | 0,3             | 0,2       | 0,1             | 0,1       |
| Nhà chuyên môn bậc cao   | 1,1             | 6,1       | 1,3             | 1,4       |
| Nhà chuyên môn bậc trung | 2,5             | 5,2       | 1,5             | 2,6       |
| Nhân viên văn phòng      | 0,7             | 0,4       | 2,2             | 2,3       |
| Nhân viên bán hàng       | 4,3             | 16,4      | 7,0             | 9,4       |
| Lao động có kỹ năng      | 1,1             | 1,2       | 7,2             | 1,0       |
| Lao động thủ công        | 5,0             | 18,2      | 23,0            | 17,5      |
| Thợ vận hành máy móc     | 1,1             | 1,7       | 35,3            | 53,5      |
| Lao động giản đơn        | 79,4            | 43,3      | 17,8            | 11,7      |

*Nguồn:* Số liệu mẫu 15% của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Bảng 5 cho thấy xu hướng thay đổi trong chọn lọc cơ cấu nghề nghiệp lao động nhập cư của cả hai thời kỳ của tỉnh Bình Phước và tỉnh Bình Dương. Rõ ràng, ở tỉnh Bình Dương - đại diện nhóm tích tụ dân số công nghiệp, trong cả hai thời kỳ tỷ lệ thợ vận hành trong lao động nhập cư là cao nhất và xu hướng tăng từ 35,5% thời kỳ 1994 - 1999 lên 53,5% thời kỳ 2004 - 2009, còn ở tỉnh Bình Phước - đại diện nhóm tích tụ dân số nông nghiệp, tỷ lệ lao động giản đơn trong lao động nhập cư là cao nhất và có xu hướng giảm nhanh từ 79,4% thời kỳ 1994 - 1999 xuống chỉ còn 43,3% thời kỳ 2004 - 2009.

### 2. Ảnh hưởng của tích tụ dân số đến phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ

#### 2.1. Về kinh tế

Dân số nhập cư là nguồn cung cấp lao động rất quan trọng. Nhập cư làm cho dân số vùng tăng lên khoảng 131.000 người năm 2005; 189.000 người năm 2007 và hiện nay ở mức 330.000 người/năm. Nhập cư với số lượng lớn đã tạo ra nguồn cung cấp lao động đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Bằng cách thu nạp tài năng và tay nghề, nhập cư quyết định tác động lan tỏa của tích tụ dân số. Nhập cư là nguồn đóng góp chính cho đô thị hóa, là cơ sở, động lực để chuyển dịch cơ

cấu kinh tế, giúp cho kinh tế đô thị công nghiệp của vùng tăng trưởng với tốc độ cao, hình thành tác phong công nghiệp hiện đại, tạo ra năng suất lao động cao... Tuy nhiên, tích tụ dân số nhanh vào vùng Đông Nam Bộ cũng đã tạo ra một số sức ép về dân số và việc làm rất lớn. Theo kết quả của Tổng điều tra năm 1999 và điều tra di cư năm 2004, người nhập cư đã đóng góp trên 1% cho mức tăng dân số của vùng, nhưng cũng làm tăng số người thất nghiệp và bán thất nghiệp, gây khó khăn cho việc thực thi các chính sách xã hội trong vùng. Ngoài ra, tích tụ dân số còn tạo áp lực về cơ sở hạ tầng, về giáo dục và chăm sóc sức khỏe, gây sự cạnh tranh với lao động tại chỗ làm hạ thấp giá trị lao động.

#### 2.2. Về văn hóa - xã hội, môi trường

Dân nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ có nguồn gốc từ nhiều tỉnh, nhiều vùng khác nhau trên cả nước đã mang theo những ngành nghề truyền thống khác nhau về đây, góp phần làm đa dạng nền kinh tế và văn hóa của vùng.

Thái độ đối với gia đình, bạn bè, xã hội của người lao động cũng có sự thay đổi theo hướng hiện đại, đó là sự thông cảm, sẻ chia và tôn trọng tự do cá nhân. Tuy nhiên, sự chênh lệch về văn hóa và mức sống giữa các tầng lớp dân cư đô thị công nghiệp của vùng đang ngày

càng lớn, dẫn đến sự mất cân bằng trong sinh thái đô thị, nhất là giữa dân số và việc làm, giữa dân số và thu nhập, giữa dân số và kết cấu hạ tầng... Một bộ phận dân cư giàu lên nhanh chóng bên cạnh tầng lớp nghèo, lang thang cơ nhỡ, sống tạm bợ trong các khu nhà ổ chuột, thiếu các điều kiện tối thiểu, không có cơ hội được hưởng đầy đủ các chính sách an sinh xã hội.

### 3. Định hướng phát triển vùng Đông Nam Bộ và một số khuyến nghị

#### 3.1. Mục tiêu và định hướng phát triển

Chức năng của vùng Đông Nam Bộ trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước từ nay đến năm 2020 cũng đã được xác định:

- Là một trong những vùng kinh tế phát

**BẢNG 6: Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành của vùng Đông Nam Bộ qua các năm**

| Chỉ tiêu                                   | 2005   | 2010   | 2015   | 2020   |
|--|--------|--------|--------|--------|
| 1. Lao động trong ngành KTQD (nghìn người) | 5.657  | 6.549  | 7.460  | 8.230  |
| Tỷ trọng (%)                               | 100    | 100    | 100    | 100    |
| - Công nghiệp - xây dựng                   | 39,9   | 41,7   | 43,2   | 44,4   |
| - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản        | 25,8   | 19,8   | 11,5   | 7,3    |
| - Khu vực dịch vụ                          | 34,3   | 38,5   | 45,3   | 48,3   |
| 2. Năng suất lao động (nghìn đồng)         |        |        |        |        |
| Chung toàn nền kinh tế                     | 23.980 | 28.658 | 43.899 | 66.286 |
| - Công nghiệp - xây dựng                   | 41.033 | 40.118 | 56.305 | 79.529 |
| - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản        | 4.795  | 7.169  | 16.941 | 25.588 |
| - Khu vực dịch vụ                          | 22.379 | 28.172 | 39.288 | 62.304 |

Nguồn: Bộ Kế hoạch và đầu tư, Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020.

Bảng 7 cho thấy, từ nay đến năm 2020 nhu cầu lao động trong các ngành kinh tế của vùng Đông Nam Bộ tăng thêm gần 800 nghìn người, bình quân mỗi năm tăng thêm 150 - 160 nghìn lao động. Số lao động này vẫn tiếp tục trông nhờ vào nhập cư. Tuy nhiên, tính chọn lọc nghề nghiệp lao động nhập cư không còn chủ yếu là nhóm lao động giản đơn như giai đoạn trước mà sẽ hướng vào nhóm lao động có chuyên môn kỹ thuật và nhóm lao động dịch vụ - văn phòng đáp ứng yêu cầu cho

triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đi đầu trong xu thế hội nhập quốc tế.

- Đảm nhận đi đầu một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo động lực cho quá trình phát triển của vùng và cả nước.

- Vùng Đông Nam Bộ mà hạt nhân là thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm dịch vụ tâm cơ khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao thương quốc tế.

- Là trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ của cả nước.

chuyển đổi mô hình tăng trưởng và dịch chuyển cơ cấu kinh tế từ chiều rộng, sang chiều sâu theo định hướng phát triển của vùng.

Để hoàn thành tốt chức năng của vùng Đông Nam Bộ, vùng sẽ phải có chính sách linh hoạt bảo đảm luôn có đủ số lượng lao động cung cấp cho các ngành kinh tế thông qua các chính sách di cư trong từng giai đoạn; phát huy thế mạnh đào tạo của vùng để đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

### 3.2. Một số khuyến nghị

Tích tụ dân số của vùng Đông Nam Bộ trong hơn hai thập kỷ qua chủ yếu là nhập cư lao động giản đơn, hệ quả của sự chọn lọc từ việc phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp tiêu dùng có giá thành sản xuất thấp trong quá trình hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất trong vùng. Mặc dù đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phân bố lại dân cư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động, nhưng tích tụ dân số cũng đã gây ra nhiều hệ lụy trong đời sống xã hội.

Việc khuyến khích hay hạn chế lao động nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ không thể thực hiện bằng những quy định hành chính mà cần tạo những "lực hút" hay "lực đẩy" dòng di cư từ chính quá trình thay đổi cấu trúc của nền kinh tế vùng theo mục tiêu phát triển bền vững để hạn chế nhập cư của những đối tượng không phù hợp (lao động phổ thông đang dư thừa) và khuyến khích nhập cư những đối tượng mà vùng có nhu cầu trong tương lai (lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật). Cần xây dựng cơ chế tiếp cận thông tin cho người nhập cư, tư vấn về quyền lao động, các cơ hội việc làm, các thủ tục hành chính cho việc đăng ký hộ khẩu, sự sẵn có của các dịch vụ y tế và các dịch vụ xã hội khác.

### 4. Kết luận

Quá trình tích tụ dân số vào vùng Đông Nam Bộ trong hơn 2 thập kỷ qua mang tính chọn lọc rõ ràng. Hình thái lao động tích tụ chủ yếu là lao động giản đơn, đã ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt kinh tế - xã hội của vùng. Lao động nhập cư đã trở thành một bộ phận không thể thiếu và là nguyên nhân quan trọng thúc đẩy nhịp độ công nghiệp hóa, đô thị hóa của vùng nhanh nhất so với cả nước trong 10 năm trở lại đây. Xu hướng nhập cư nhóm lao động giản đơn sẽ ngày càng giảm, thay vào đó

là sự gia tăng nhóm lao động có chuyên môn kỹ thuật và nhóm dịch vụ - văn phòng phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, đô thị hóa của vùng trong thời kỳ mới. Tuy theo đặc trưng về cơ cấu kinh tế của tỉnh, tích tụ dân số theo hướng thu hút lao động nông nghiệp hay lao động công nghiệp - dịch vụ sẽ phân hóa rõ các luồng di cư đến các tỉnh khác nhau trong vùng. Tích tụ dân số mang nhiều điểm tích cực xét về các nguồn lực kinh tế. Song bên cạnh đó, với chính sách quản lý dân cư chưa phù hợp, tích tụ dân số nhanh ở Đông Nam Bộ cũng gây nên những hệ lụy về kinh tế, xã hội, môi trường đáng lo ngại. Để phát huy những tác động tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của dân nhập cư, các tổ chức chính quyền các cấp, các nhà hoạch định chính sách phát triển vùng cần phải coi lao động nhập cư là một bộ phận cấu thành của chiến lược phát triển bền vững, vì thế trong mọi hoạt động quản lý phải luôn tính tới nhóm dân số di cư vào vùng vẫn đang tiếp tục tăng lên trong thời gian tới đây./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Guest, Phillip (1998), Động thái di cư trong nước ở Việt Nam. Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Hà Nội, Việt Nam.
2. Tổng cục Thống kê, Dự án VIE/91/P14 (2000). Báo cáo kết quả dự báo dân số Việt Nam, 1999-2024, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Tổng cục Thống kê, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999 (2001), Kết quả điều tra toàn bộ. Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê (2010), Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Kết quả điều tra toàn bộ. Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. Everett S. Lee (1966), A theory of Migration, Demography, Vol. 3, No. 1 (1966), pp.47-57; <http://www.students.uni-mainz.de/jkissel/Skripte/Lee.pdf> ngày 25-7-2012.
6. Michael P. Todaro (1969), A model of labor migration and urban unemployment in Less Development Countries, The American Economics Review, Vol. 59, No. 1 (1969), pp. 138-148, <http://www.ccc.zju.edu.cn/~yao/uploadfile/papers/p014.pdf>